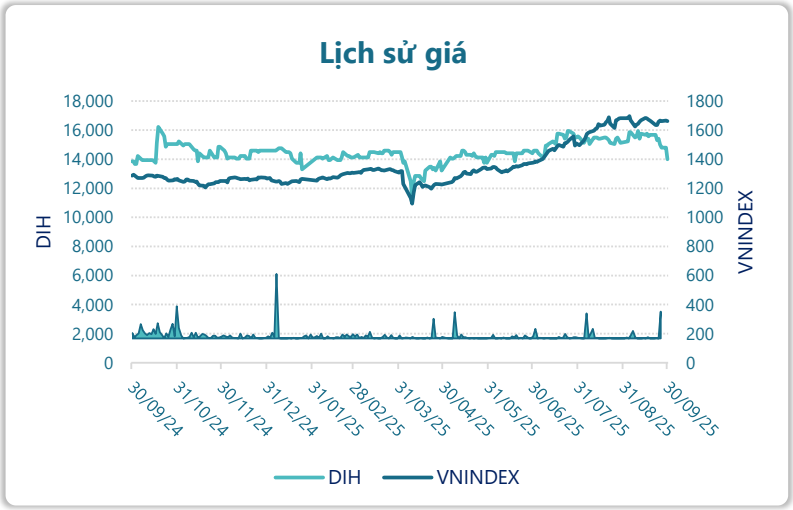
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,220
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,299
SL cổ phiếu LH	6,894,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,990
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	97
P/E	5.8
EPS	2,422

DT thuần

Q3/25

10.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 10.8%

YoY: ▼183| -94.5%

LN sau thuế

Q3/25

0.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.39| -89.7%

YoY: ▼14.2| -99.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.6%

+/- YoY: ▼ 8.6%

DT thuần

9T 2025

231

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.0| 11.5%

LN sau thuế

9T 2025

16.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.20| 24.0%

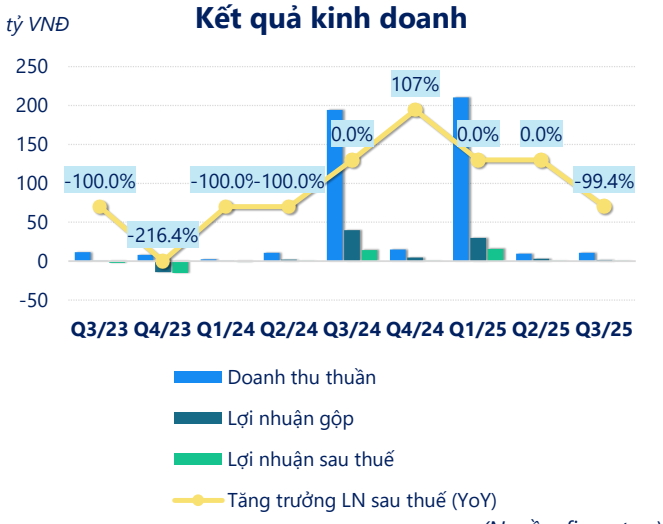
ROE

Q3/25

13.1%

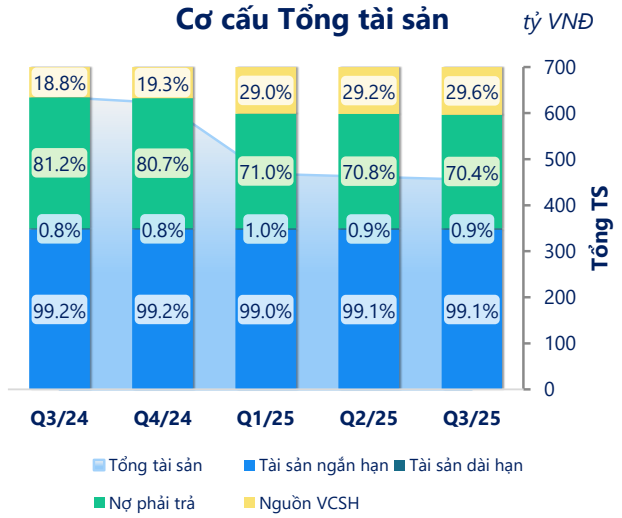
+/- YoY: ▲ 15.1%

Kết quả kinh doanh



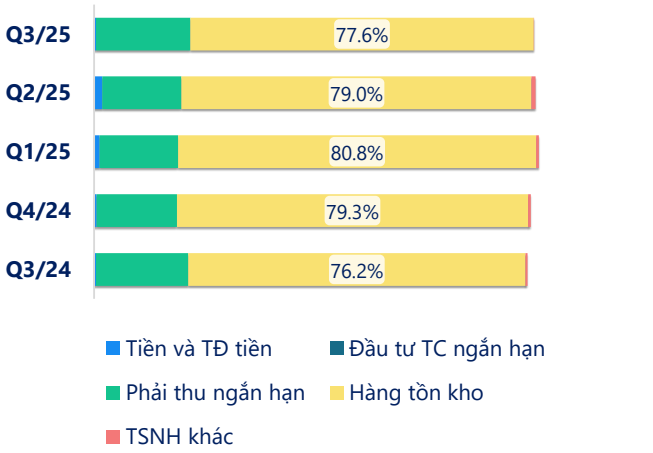
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



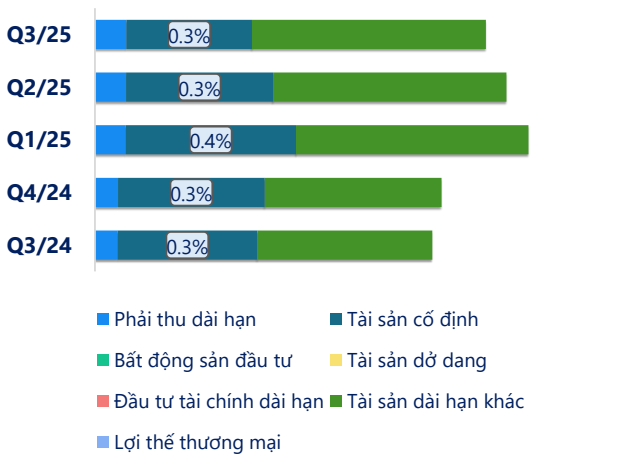
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



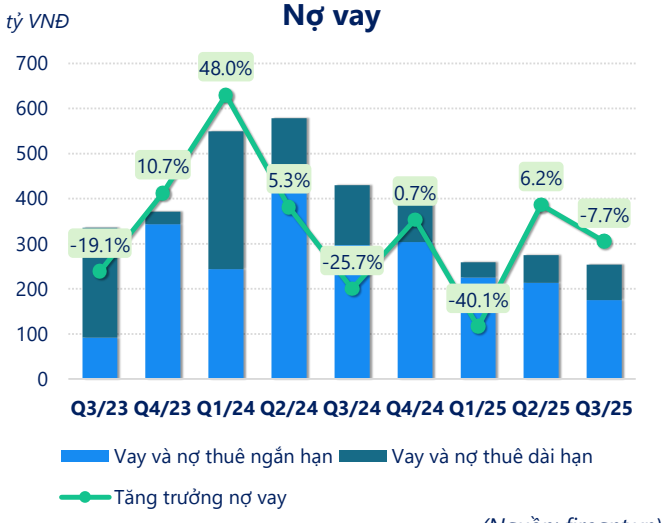
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



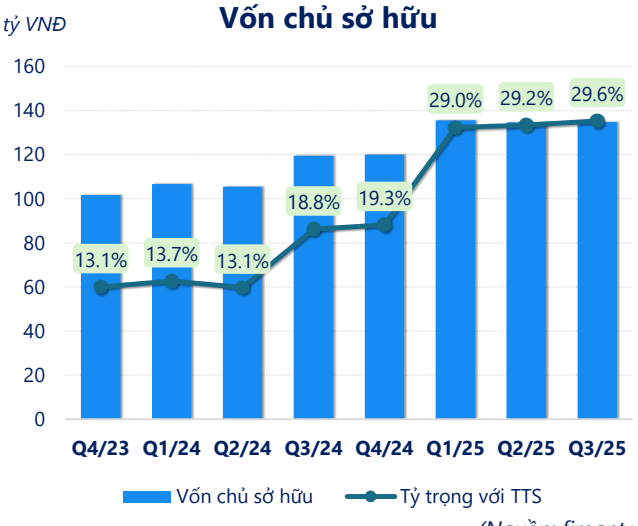
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



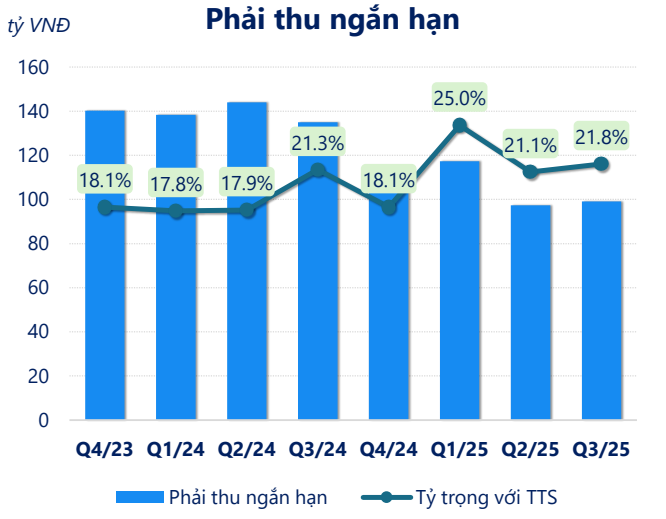
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



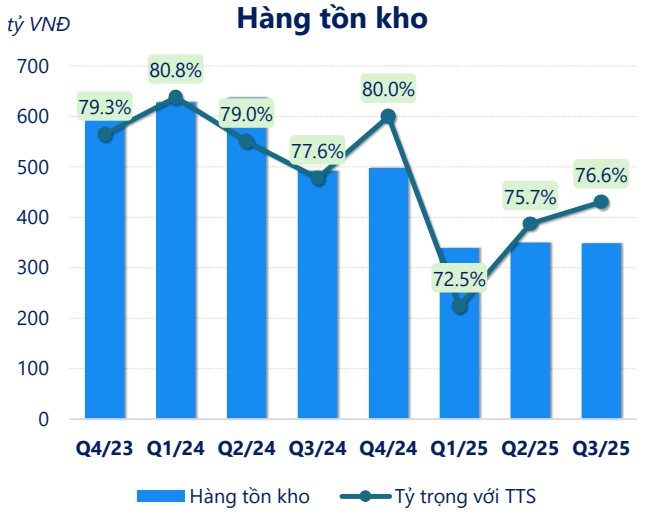
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



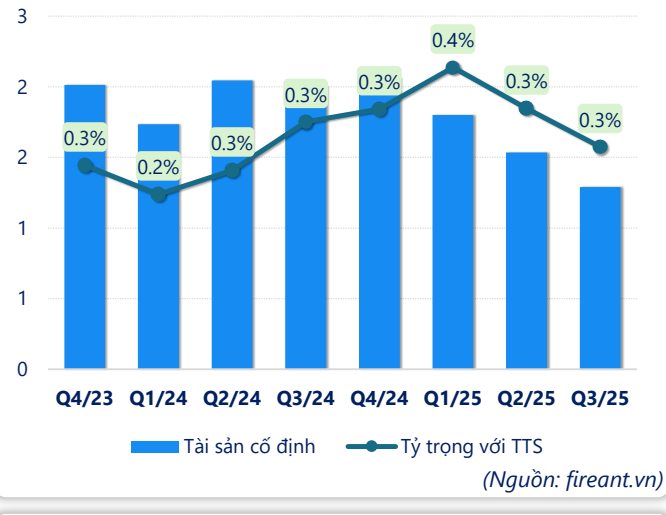
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



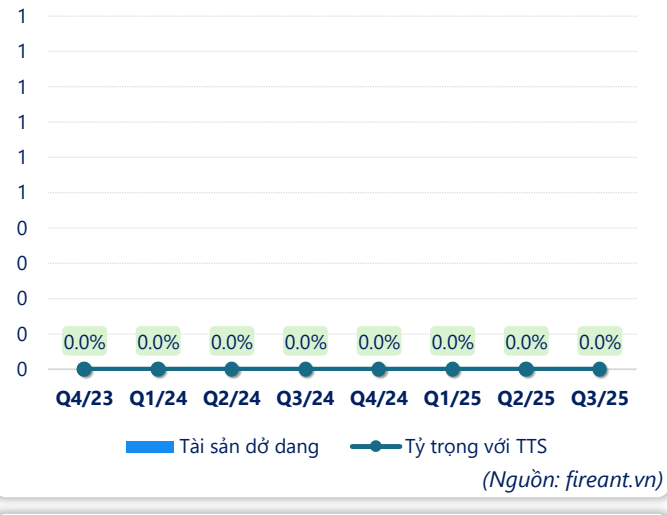
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



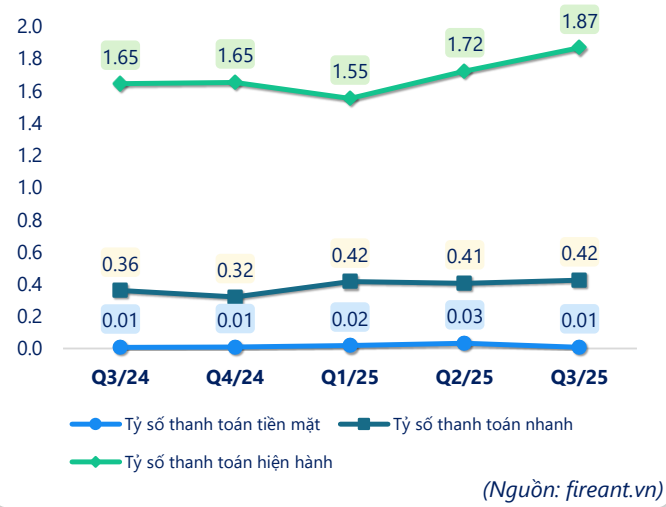
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



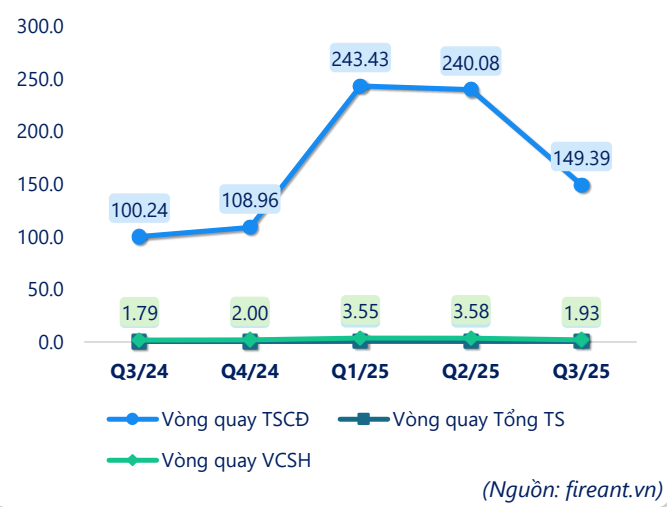
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**635**	**622**	**468**	**462**	**455**
Tài sản ngắn hạn	**630**	**617**	**464**	**457**	**451**
Tiền và tương đương tiền	2.62	3.67	5.70	8.63	1.92
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	135	113	117	97.3	99.1
Hàng tồn kho	492	498	339	350	349
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	3.26	1.31	1.70	1.45
Tài sản dài hạn	**4.83**	**4.87**	**4.58**	**4.29**	**4.02**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.32	0.32	0.32
Tài sản cố định	2.00	2.06	1.80	1.53	1.29
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.51	2.48	2.45	2.43	2.40
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**515**	**502**	**333**	**327**	**320**
Nợ ngắn hạn	**383**	**374**	**298**	**265**	**241**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	297	304	225	214	175
Phải trả người bán ngắn hạn	27.6	28.2	27.7	25.5	25.8
Nợ dài hạn	132	129	34.1	61.5	78.9
Vay và nợ thuê dài hạn	132	129	34.1	61.5	78.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**120**	**120**	**136**	**135**	**135**
Vốn chủ sở hữu	**120**	**120**	**136**	**135**	**135**
Vốn điều lệ	68.9	68.9	68.9	68.9	68.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)